TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B1** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 02 năm 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B1

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B1: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 09/02/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thu T1, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số nhà 274, đường N1, phường T1, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Ngô Trọng K1, sinh năm 2000

HKTT: Số 97, đường N1, phường X1, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ chỗ ở: Số nhà 27, đường N11, phường X1, thành phố B1. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 và ý kiến trình bày của nguyên đơn Đàm Thu T1 trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Trọng K1 về chung sống với nhau từ năm 2018 đến ngày 29/5/2020 anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường X1, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh K1, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung từ đó bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng hay cãi nhau, vì vậy chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K1.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Đức Ph1, sinh ngày 31/3/2018. Hiện nay cháu Ph1 đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ph1 và không yêu cầu anh K1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Tại biên bản xác minh ngày 12/01/2021 đại diện chính quyền địa phương tổ dân phố Nam Giang, phường X1, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Chị T1và anh K1 là vợ chồng; thời gian chị Trang, anh K1 còn chung sống tại địa phương có mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện nay chị T1không còn chung sống với anh K1 tại địa phương nữa, chị T1đi đâu thì chính quyền địa phương không biết và anh K1 đang chung sống cùng gia đình tại số nhà 27, đường Nguyễn Khuyến 1, phường X1, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang. Về con chung vợ chồng anh K1, chị T1có 01 con chung, con chung không sống cùng với anh K1 tại địa phương.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K1 vắng mặt không có lý do.

Ngày 29/01/2021 Tòa án đã hoãn phiên tòa vì bị đơn là anh Ngô Trọng K1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đàm Thu T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Ngô Trọng K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hại nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B1 phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thu T1 và xử cho chị T1được ly hôn anh Ngô Trọng K1. Về con chung: Giao cháu Ngô Đức Ph1, sinh ngày 31/3/2018 cho chị T1trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T1không yêu cầu anh K1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T1xác định không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Đàm Thu T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" phải giải quyết trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại phường X1, thành phố B1. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Chị Đàm Thu T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị; đối với bị đơn anh Ngô Trọng K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2020, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ý kiến trình bày của nguyên đơn là anh chị tự nguyện kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn năm 2020. Đây là chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân của chị T1và anh K1 phát sinh trong thời gian Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 có hiệu lực thi hành. Hôn nhân của chị T1và anh K1 phù hợp quy định pháp luật được coi là vợ chồng, hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Chị T1và anh K1 có nhiều mâu thuẫn trong mối quan hệ vợ chồng, anh chị không còn sống chung là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa ánh đã mở phiên hòa giải nhưng anh K1 không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy, xác định anh K1 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Đức P1, sinh ngày 31/3/2018. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Ph1. Do cháu Ph1 còn nhỏ và để đảm bảo cuộc sống ổn định nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Trang, giao cháu Ph1 cho chị T1nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T1không yêu cầu anh K1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. Anh K1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[2.5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T1xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T1phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đàm Thu T1 .

1.1. Về hôn nhân: Chị Đàm Thu T1 được ly hôn anh Ngô Trọng K1

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Đức Ph1, sinh ngày 31/3/2018 cho chị Đàm Thu T1 nuôi dưỡng. Anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T1không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Chị Đàm Thu T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001665 ngày 30/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B1.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thu T1, anh Ngô Trọng K1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND phường X1;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Hà